

Số: 213/KH-UBND

*Cần Thơ, ngày 20 tháng 10 năm 2022*

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ 2021 đến năm 2025**

Thực hiện Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ 2021 đến năm 2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình mục tiêu quốc gia) cụ thể như sau:

## **I. THỰC TRẠNG DÂN TỘC THIỂU SỐ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

### **1. Vị trí địa lý, diện tích tự nhiên, cơ cấu dân số:**

a) Thành phố Cần Thơ nằm trong vùng hạ lưu sông Mekong, là trung tâm kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long, phía Bắc giáp tỉnh An Giang, phía Đông giáp tỉnh Đồng Tháp và tỉnh Vĩnh Long, phía Tây giáp tỉnh Kiên Giang, phía Nam giáp tỉnh Hậu Giang, đơn vị hành chính gồm 05 quận, 04 huyện; 83 xã,



phường, thị trấn với tổng diện tích tự nhiên là 144.040 ha (theo kết quả Kiểm kê đất đai năm 2019), trong đó:

- Đất nông nghiệp: 114.308 ha (chiếm 79,36% diện tích tự nhiên).
- Đất phi nông nghiệp: 29.712 ha (chiếm 20,63% diện tích tự nhiên).
- Đất chưa sử dụng: 20 ha (chiếm 0,01% diện tích tự nhiên).

b) Thành phố có 359.375 hộ, với 1.235.171 người<sup>1</sup>. Trên địa bàn thành phố hiện có 27 dân tộc thiểu số (sau đây gọi tắt là DTTS) sinh sống với 9.895 hộ với 38.028 người, chiếm tỷ lệ 3,07% trên tổng dân số toàn thành phố, trong đó: dân tộc Khmer có 6.198 hộ với 23.691 người, chiếm 1,92% trên tổng dân số toàn thành phố và chiếm 62,3% trên tổng dân số DTTS; dân tộc Hoa có 3.542 hộ với 13.956 người, chiếm 1,12% trên tổng dân số toàn thành phố và chiếm 36,7% trên tổng dân số DTTS; các DTTS còn lại có 155 hộ với 381 người chiếm 0,03% trên tổng dân số toàn thành phố và chiếm 1% trên tổng dân số DTTS.

## **2. Tình hình kinh tế - xã hội trong đồng bào DTTS:**

a) Dân tộc Khmer cư trú 9/9 quận, huyện, số đông phân bố ở các huyện Cờ Đỏ, huyện Thới Lai, quận Ninh Kiều và quận Ô Môn; đa số sống ở nông thôn, làm nghề nông, làm thuê, một số hộ là công chức, viên chức, làm dịch vụ hoặc mua bán nhỏ, điều kiện kinh tế, đời sống, trình độ dân trí và năng lực sản xuất tuy được nâng lên nhưng còn chậm so với sự phát triển chung của thành phố.

b) Dân tộc Hoa sinh sống chủ yếu và tập trung ở các trung tâm thương mại, dịch vụ tại các quận: Ninh Kiều, Ô Môn, Cái Răng, Thốt Nốt, ngành nghề chính là sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

c) Các dân tộc khác: Chăm, Nùng, Thái, Tày, Mường, Dao,... sống đan xen với dân tộc Kinh, Khmer, Hoa, sinh sống bằng nghề nông, mua bán nhỏ, một ít là công chức, viên chức nhà nước, cuộc sống ổn định.

d) Những năm qua, bằng các chương trình, dự án, chính sách đối với đồng bào DTTS nhất là chính sách hỗ trợ đất ở, nhà ở, hỗ trợ chuyển đổi nghề, cho vay vốn phát triển sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, ấp đặc biệt khó khăn và các chính sách đặc thù của thành phố đã góp phần phát triển mạnh mẽ kinh tế - xã hội trong đồng bào DTTS trên địa bàn thành phố, tỷ lệ hộ nghèo trong dân tộc giảm mạnh qua các năm, đến cuối năm 2021 giảm còn 48 hộ, chiếm tỷ lệ 0,53% trên tổng số hộ DTTS, tính từ năm 2016 đến nay (từ khi áp dụng chuẩn nghèo đa chiều), thành phố đã giảm được 1.344/1.392 hộ nghèo DTTS (tương đương giảm gần 97%). Thực hiện công tác giảm nghèo giai đoạn tiếp theo, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định 4363/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022 – 2025 trên địa bàn thành phố Cần Thơ, theo đó số hộ nghèo trong đồng bào dân tộc có 152 hộ, chiếm tỷ lệ 1,58% trên tổng số DTTS, tăng 104 hộ nghèo so với cuối năm 2021.

<sup>1</sup>Theo kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019.



đ) Lĩnh vực văn hóa – xã hội, giáo dục, y tế đối với đồng bào DTTS luôn được quan tâm thực hiện đạt nhiều kết quả, cụ thể: 83/83 xã, phường, thị trấn có Trung tâm Văn hóa - Thể thao (đạt 100%); 599/599 ấp, khu vực có Nhà Văn hóa - Khu Thể thao (đạt 100%); toàn thành phố có 100% hộ đồng bào DTTS có phương tiện nghe, nhìn và xem đài phát thanh, truyền hình; gần 100% hộ DTTS trên địa bàn thành phố sử dụng điện; Tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm 71,8%, đào tạo nghề chiếm 49,2%; Tỷ lệ trẻ em DTTS nhập học đúng tuổi bậc tiểu học đạt 100%; Tỷ lệ người DTTS hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%; Tỷ lệ người DTTS từ 10 tuổi trở lên biết chữ 98,78%; Tỷ lệ học sinh nữ DTTS ở bậc tiểu học, THCS, THPT đạt 54,44%; Tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi ở trẻ em DTTS dưới 5 tuổi còn 9%; Không có trẻ em DTTS tử vong dưới 1 tuổi/1.000 trẻ đẻ sống; Không có tử vong mẹ người DTTS/100.000 trẻ sơ sinh; Tỷ lệ các ca sinh của phụ nữ DTTS được cán bộ y tế đã qua đào tạo đỡ đạt 100%; Tỷ lệ phụ nữ DTTS được khám thai ít nhất 3 lần trong kỳ mang thai đạt 100%; Tỷ lệ hộ DTTS (nông thôn) được sử dụng nước hợp vệ sinh 99%; Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch 95,5%; Tỷ lệ hộ DTTS được sử dụng hố xí hợp vệ sinh đạt 80%.

e) Bằng việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, đến cuối năm 2019, thành phố có 36/36 xã và 4/4 huyện đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành sớm hơn 01 năm so với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố đề ra. Hiện nay thành phố Cần Thơ, không còn xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; có 06 xã, phường, thị trấn, 33 khu vực thuộc vùng DTTS (có trên 15% dân số người DTTS).

g) Tình hình quốc phòng, an ninh trong đồng bào DTTS trên địa bàn những năm qua cơ bản ổn định.

h) Tuy đạt được một số kết quả quan trọng vừa nêu, tình hình dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn thành phố vẫn còn một số tồn tại. Đời sống vật chất, tinh thần trong đồng bào dân tộc được nâng lên nhiều nhưng nhìn chung vẫn còn khó khăn, kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, lao động thủ công, mua bán nhỏ, tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh nhưng chưa đồng đều giữa các dân tộc (hộ nghèo đa số là dân tộc Khmer, chiếm 77% trên tổng số hộ nghèo DTTS, dân tộc Hoa chiếm 21,7% và các dân tộc còn lại chiếm 1,3%); tình trạng thiếu việc làm, một bộ phận không đất sản xuất hoặc thiếu đất sản xuất, thiếu đất ở, nhà ở tạm bợ, làm thuê, cuộc sống chưa thật sự ổn định; một số chính sách dân tộc còn dàn trải, chưa thực sự hiệu quả và khi ban hành với nguồn lực dự kiến thực hiện lớn nhưng khi triển khai thì chưa đảm bảo kinh phí; một số giá trị văn hóa trong đồng bào dân tộc có nguy cơ mai một; tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong vùng đồng bào dân tộc tuy ổn định nhưng vẫn còn những vấn đề cần quan tâm.

## II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích:

a) Nhằm triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 và Nghị quyết



số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 – 2030; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XIV nhiệm kỳ 2020 – 2025; Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2025 và Kế hoạch số 202/KH-UBND ngày 01/10/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

b) Xác định cụ thể các mục tiêu, chỉ tiêu, phạm vi, đối tượng nội dung, nhiệm vụ, nguồn vốn, cơ chế quản lý và phân công trách nhiệm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

## **2. Yêu cầu:**

a) Việc triển khai thực hiện Kế hoạch phải bám sát Chương trình mục tiêu quốc gia, hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương phù hợp với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2025 của thành phố, đồng thời gắn với trách nhiệm, sự phối hợp giữa các cấp, các ngành và các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện.

b) Sử dụng các nguồn vốn đúng quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, không đầu tư dàn trải, kém hiệu quả, gây thất thoát, lãng phí.

c) Thực hiện tốt công tác quản lý, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định, đảm bảo kịp thời, chính xác, hiệu quả.

## **III. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát:**

Khai thác các nguồn lực, tiềm năng, lợi thế của thành phố, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; tập trung giải quyết những vấn đề khó khăn, bức xúc nhất về đời sống, sản xuất, giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của đồng bào DTTS so với bình quân chung của thành phố. Phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; nâng cao hơn nữa đời sống của đồng bào DTTS. Nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người DTTS. Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc. Xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào DTTS đối với Đảng và Nhà nước.

### **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025:**



a) Phần đầu mức thu nhập bình quân đầu người của người DTTS bằng mức thu nhập bình quân khu vực nông thôn của thành phố;

b) Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS hàng năm từ 0,3% trở lên, tương đương giảm từ 29 hộ trở lên (hộ nghèo theo chuẩn nghèo mới giai đoạn 2022– 2025 có 152 hộ, chiếm tỷ lệ 1,58% trên tổng số hộ DTTS), đến năm 2025 giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS còn dưới 0,5%/tổng số hộ DTTS, tương đương giảm còn dưới 36 hộ nghèo DTTS;

c) Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, nhà ở cho đồng bào DTTS;

d) Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 98%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học 100%, học trung học cơ sở 95%, học trung học phổ thông 72%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 98%;

đ) Tăng cường công tác y tế để đồng bào DTTS được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại; 98% đồng bào DTTS tham gia bảo hiểm y tế; trên 95% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 9%;

e) 60% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người DTTS;

g) Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Giải quyết kịp thời các yêu cầu chính đáng của đồng bào DTTS phù hợp với quy định của pháp luật. Tổ chức tốt các hoạt động nhân dịp lễ, tết của đồng bào DTTS;

h) Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc phù hợp với tỷ lệ dân số là người DTTS ở từng địa phương.

*(Đính kèm biểu các chỉ tiêu)*

### **3. Định hướng mục tiêu đến năm 2030:**

Căn cứ định hướng mục tiêu 2030 của Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội, Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và tình hình thực tế, thành phố phần đầu thực hiện đạt các mục tiêu sau:

a) Mức sống, thu nhập bình quân của đồng bào DTTS ngang bằng với mức sống, thu nhập của người dân khu vực nông thôn, ngoại thành của thành phố.

b) Đến năm 2030 cơ bản không còn hộ nghèo trong đồng bào DTTS.

c) Phần đầu có 80% số hộ nông dân người DTTS làm kinh tế nông nghiệp, dịch vụ;

d) Hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra trong Mục tiêu quốc gia về phát triển bền vững đến năm 2030.

## **IV. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN, KINH PHÍ THỰC HIỆN, CƠ CHẾ QUẢN LÝ**

### **1. Phạm vi, đối tượng:**

a) Phạm vi thực hiện:

- Thực hiện tại các xã, phường, thị trấn vùng đồng bào DTTS trên địa bàn thành phố theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 – 2025 đối với một số nội dung Dự án 1; Dự án 3; Tiểu Dự án 1, Tiểu Dự án 3 và Tiểu Dự án 4 của Dự án 5; Dự án 7; Dự án 9 và Dự án 10;

- Thực hiện Dự án có phạm vi mở rộng địa bàn theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Tiểu Dự án 2 thuộc Dự án 5 và một số nội dung của Dự án 6 (do có đối tượng thụ hưởng);

- Thực hiện trên toàn địa bàn thành phố đối với nội dung hỗ trợ đất ở tại Dự án 1 (do các khu dân cư DTTS hiện có sẵn nền để bố trí đất ở cho các hộ DTTS nghèo chưa có đất ở trên địa bàn thành phố).

b) Đối tượng thực hiện:

- Hộ gia đình, cá nhân người DTTS (hộ DTTS là hộ có chủ hộ hoặc có vợ, chồng của chủ hộ là đồng bào DTTS theo quy định của pháp luật);

- Trường Phổ thông dân tộc nội trú thành phố;

- Cán bộ, công chức, viên chức thực hiện công tác dân tộc và cán bộ, công chức, viên chức công tác tại vùng DTTS;

- Các di tích có giá trị tiêu biểu của các DTTS đã được xếp hạng cấp quốc gia, cấp thành phố; văn hóa vật thể, phi vật thể của đồng bào DTTS; nghệ nhân người DTTS.

**2. Thời gian thực hiện:**

Giai đoạn I: từ năm 2021 đến hết năm 2025.

**3. Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện:**

Dự kiến tổng nguồn vốn thực hiện trong giai đoạn 2021 – 2025 là 69.084 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn đầu tư thành phố: 25.399 triệu đồng;

- Vốn sự nghiệp thành phố: 42.115 triệu đồng;

- Vốn vay từ Ngân hàng chính sách xã hội: 1.495 triệu đồng;

- Vốn huy động: 75 triệu đồng.

Nguồn vốn thực hiện hàng năm sẽ được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với nhu cầu sử dụng nguồn vốn và ngân sách thành phố.

(Đính kèm Phục lục 1, 2, 3, 4)

**4. Cơ chế quản lý:**

a) Thành lập Ban Chỉ đạo các cấp:



- Cấp thành phố, thành lập Ban Chỉ đạo chung cho 3 Chương trình mục tiêu quốc gia (Giảm nghèo, Xây dựng nông thôn mới và Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS);

- Cấp huyện và cấp xã: Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 đối với những địa phương có nội dung thực hiện Chương trình trên địa bàn (có thể thành lập chung Ban Chỉ đạo cho 3 Chương trình).

b) Cơ chế thực hiện:

- Các dự án đầu tư được triển khai đảm bảo theo các quy định của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ và Công văn số 3948/BKHĐT-TCTT ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP;

- Thực hiện cơ chế hỗ trợ, phân cấp, phân quyền cho các địa phương; tăng cường sự tham gia của người dân trong thực hiện Chương trình;

- Áp dụng thống nhất các cơ chế, quy trình trong thực hiện các Dự án, Tiểu Dự án của Chương trình, đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp giữa các hoạt động, nội dung hỗ trợ của Dự án, Tiểu Dự án thuộc Chương trình trên cùng địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng;

- Trên cơ sở nguồn lực được giao, các sở, ngành và địa phương chủ động bố trí kinh phí thực hiện hàng năm để đảm bảo hoàn thành các mục tiêu của Chương trình; tăng cường sự tham gia của người dân, đảm bảo công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện.

c) Cơ chế lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước:

- Việc lập, phân bổ, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và theo quy định tại Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính. Các sở, ngành và Ủy ban nhân dân huyện Cờ Đỏ được phân bổ và giao dự toán kinh phí thực hiện Chương trình chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán theo quy định.

- Hằng năm, các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện Cờ Đỏ được giao dự toán thực hiện các Dự án, Tiểu Dự án, Nội dung của Chương trình có trách nhiệm thực hiện quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành, đồng thời dự toán kinh phí thực hiện cho năm tiếp theo, gửi thông báo quyết toán và dự toán kinh phí về Ban Dân tộc (cơ quan chủ trì), Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo quyết toán hàng năm, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét đề trình Hội đồng nhân dân thành phố.

- Đối với các hoạt động, nhiệm vụ cơ quan, đơn vị được giao dự toán ký hợp đồng với các cơ quan, đơn vị khác thực hiện, tài liệu làm căn cứ thanh, quyết toán được lưu tại cơ quan, đơn vị được giao dự toán gồm: Hợp đồng, biên bản nghiệm thu công việc, biên bản thanh lý hợp đồng, văn bản đề nghị thanh toán



kinh phí của cơ quan, đơn vị thực hiện hợp đồng ký kết, ủy nhiệm chi hoặc phiếu chi và các tài liệu có liên quan khác.

- Cơ quan, đơn vị thực hiện hợp đồng có trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã ký kết, trực tiếp sử dụng kinh phí theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với các Dự án, Tiểu Dự án có nội dung hỗ trợ hộ gia đình, việc hỗ trợ đối với hộ gia đình thực hiện thông qua người đại diện của gia đình là chủ hộ hoặc người đại diện cho hộ gia đình (là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, được ủy quyền bằng văn bản thay mặt gia đình nhận hỗ trợ). Cơ quan được giao nhiệm vụ hỗ trợ thực hiện lập bảng kê hỗ trợ hộ gia đình, trong đó ghi rõ họ và tên, địa chỉ người đại diện hộ gia đình được hỗ trợ; số tiền hỗ trợ hoặc nội dung hỗ trợ, chữ ký (dấu tay điểm chỉ) của người đại diện hộ gia đình được hỗ trợ để làm chứng từ thanh toán, quyết toán.

d) Cơ chế huy động nguồn lực và lồng ghép nguồn vốn:

- Việc lồng ghép nguồn vốn thực hiện Kế hoạch phải đảm bảo các nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

- Các nguồn vốn lồng ghép:

+ Nguồn ngân sách địa phương bao gồm: ngân sách thành phố và ngân sách cấp huyện;

+ Nguồn vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội;

+ Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

- Cơ chế huy động các nguồn lực:

+ Huy động tối đa các nguồn lực hợp pháp từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nhằm thực hiện hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch; các nguồn lực tham gia đóng góp phải trên tinh thần tự nguyện, công khai, minh bạch đảm bảo đúng quy định của pháp luật; tăng cường công tác vận động, tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ từ hợp tác quốc tế theo Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS đến năm 2025 trên địa bàn thành phố”;

+ Đối với các nguồn lực huy động, các cơ quan được giao chủ trì các Dự án, Tiểu Dự án, Nội dung thành phần và các địa phương chủ động tiếp cận và tích cực vận động để thực hiện có hiệu quả Kế hoạch;

+ Giá trị huy động các nguồn lực phải được thể hiện rõ trong quyết định phê duyệt dự án, dự toán và phải được theo dõi, đánh giá tổng hợp báo cáo trong kế hoạch 5 năm và hằng năm.

## **V. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**



Để thực hiện đạt các mục tiêu đề ra, Ủy ban nhân dân thành phố huy động các nguồn lực tổ chức thực hiện một số Dự án, Tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể như sau:

**1. Dự án 1 “Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt”:**

a) Mục tiêu cụ thể đến năm 2025:

- Góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS còn dưới 0,5/tổng số hộ DTTS;
- Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, nhà ở cho đồng bào DTTS;
- Tăng cường tạo việc làm, hỗ trợ chuyển đổi nghề phù hợp với yêu cầu, điều kiện của đồng bào DTTS.

b) Chỉ tiêu cụ thể đến 2025:

- Hỗ trợ đất ở cho 61 hộ chưa có đất ở trên địa bàn thành phố, trong đó ưu tiên giải quyết trước cho 02 hộ chưa có đất ở tại địa bàn vùng DTTS;
- Hỗ trợ nhà ở cho 15 hộ (đối tượng theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg);
- Hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 28 hộ.

c) Nội dung thực hiện:

**Hỗ trợ đất ở:**

- Đối tượng thụ hưởng: hộ nghèo là đồng bào DTTS chưa có đất ở, trong đó ưu tiên cho các hộ nghèo còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù và các hộ chưa được thụ hưởng đất ở từ các chính sách hỗ trợ đất ở của Nhà nước, tổ chức khác. Trường hợp đã được hỗ trợ đất ở theo chính sách hỗ trợ đất ở khác thì phải thuộc các đối tượng sau: đất ở bị sạt lở, sụt lún hoặc có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người. Hộ được hỗ trợ đất ở không được chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được hỗ trợ trong thời hạn 10 năm kể từ ngày được giao đất.

- Nội dung hỗ trợ và cách thức thực hiện: Thành phố sắp xếp, bố trí 02 hộ có nhu cầu về đất ở tại xã Thới Đông, huyện Cờ Đỏ vào Khu dân cư DTTS hiện hữu tại huyện Cờ Đỏ. Đồng thời sắp xếp, bố trí 59 hộ còn lại ở các khu dân cư dân tộc thiểu số hiện hữu trên địa bàn thành phố.

- Phân công thực hiện:

+ Ban Dân tộc chủ trì, theo dõi, đôn đốc, giám sát việc giao đất ở; chủ trì phối hợp với các quận, huyện sắp xếp, bố trí đất ở cho các hộ sinh sống tại các quận, huyện không có Khu dân cư DTTS vào các Khu dân cư DTTS hiện hữu;

+ Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ được thụ hưởng;

+ Ủy ban nhân dân quận, huyện bố trí đất ở vào Khu dân cư DTTS trên địa bàn quận, huyện; thực hiện các trình tự, thủ tục, bố trí ngân sách địa phương cấp



Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất ở theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc. Quản lý, giám sát việc sử dụng đất ở được hỗ trợ đối với hộ được cấp đất ở.

### **Hỗ trợ nhà ở:**

- Đối tượng thụ hưởng: hộ DTTS nghèo sinh sống trên địa bàn vùng DTTS chưa có nhà ở, hoặc nhà ở tạm dột nát. Trong đó ưu tiên đối tượng: Hộ nghèo còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; hộ được hỗ trợ đất ở thì được xem xét hỗ trợ nhà ở; hộ chưa được hỗ trợ nhà ở từ các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức khác. Trường hợp đã được hỗ trợ nhà ở theo các chính sách hỗ trợ nhà ở khác thì phải thuộc các đối tượng sau: nhà ở đã bị sập đổ hoặc hư hỏng nặng, có nguy cơ sập đổ do thiên tai gây ra nhưng chưa có nguồn vốn để sửa chữa, xây dựng lại. Đã được hỗ trợ nhà ở theo các chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở khác có thời gian từ 05 năm trở lên tính đến thời điểm Chương trình được phê duyệt.

- Nội dung hỗ trợ và cách thức thực hiện:

Nhà được xây dựng đảm bảo tiêu chuẩn 3 cứng (nền cứng – khung cứng – mái cứng) với diện tích từ 40m<sup>2</sup> trở lên, cụ thể:

+ Nền cứng: nền nhà làm bằng các vật liệu có tác dụng làm tăng độ cứng của nền như xi măng – cát, bê tông, gạch;

+ Khung cứng: bao gồm hệ thống khung, cột, tường, kể cả móng đỡ. Khung cột được làm bằng các vật liệu như: bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc; tường xây gạch; móng làm từ bê tông cốt thép hoặc xây gạch, đá;

+ Mái cứng: gồm hệ thống đỡ mái và mái lợp. Hệ thống đỡ mái có thể làm từ các vật liệu: bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc. Mái lợp bằng các loại tấm lợp có chất lượng tốt như tôn, phi brô xi măng;

Niên hạn sử dụng công trình nhà ở từ 20 năm trở lên. Các công trình phụ trợ như: nhà bếp, nhà vệ sinh... phải được bố trí đảm bảo hợp vệ sinh, thuận tiện cho sinh hoạt.

- Kinh phí thực hiện:

Dự kiến xây 15 căn nhà ở cho 15 hộ<sup>2</sup> trên địa bàn vùng DTTS thuộc huyện Cờ Đỏ với tổng kinh phí 1.050 triệu đồng (định mức 80 triệu đồng/căn/hộ, trong đó ngân sách thành phố (vốn đầu tư) 50 triệu đồng/hộ, vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội 25 triệu đồng/hộ và vốn huy động (địa phương vận động, hỗ trợ hoặc đóng góp từ gia đình, dòng họ và các nguồn khác) tối thiểu 5 triệu đồng/hộ).

- Phân công thực hiện:

+ Ban Dân tộc chủ trì, đôn đốc, giám sát việc hỗ trợ nhà ở;

<sup>2</sup> Năm 2022 sẽ hỗ trợ xây dựng nhà ở cho 03 hộ, tổng kinh phí 240 triệu đồng, trong đó: 150 triệu đồng từ nguồn vốn hỗ trợ của Ngân hàng Vietcombank, vốn vay từ NHCSXH 75 triệu đồng, vốn huy động 15 triệu đồng.



+ Sở Xây dựng phối hợp với Ban Dân tộc cùng Ủy ban nhân dân huyện Cờ Đỏ và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện trình tự, thủ tục liên quan đến chính sách hỗ trợ xây dựng nhà ở theo quy định;

+ Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội thành phố Cần Thơ thực hiện cho vay theo đúng quy trình, thủ tục theo quy định;

+ Ủy ban nhân dân huyện Cờ Đỏ tổng hợp nhu cầu thực tế, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố vốn đầu tư thực hiện mục tiêu hỗ trợ nhà ở; thực hiện các trình tự, thủ tục xây nhà ở cho đối tượng thụ hưởng theo quy định.

### ***Hỗ trợ chuyển đổi nghề:***

- Đối tượng thụ hưởng: Hộ DTTS nghèo thuộc vùng DTTS sinh sống bằng nghề nông nghiệp chưa có đất sản xuất, có nhu cầu chuyển đổi nghề, trong đó ưu tiên hộ nghèo còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; Hộ chưa được hỗ trợ chuyển đổi nghề từ các chương trình, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội khác, trường hợp đã được hỗ trợ đất sản xuất hoặc chuyển đổi nghề theo các chính sách hỗ trợ khác thì phải thuộc các đối tượng sau: Đất sản xuất bị mất do ảnh hưởng ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai nhưng chưa có nguồn vốn để sửa chữa, cải tạo lại; được hỗ trợ chuyển đổi nghề nhưng do hoàn cảnh bất khả kháng dẫn đến mất sức lao động, mất việc làm.

- Nội dung hỗ trợ và cách thức thực hiện: Do hiện nay thành phố không còn quỹ đất để giao đất sản xuất nên thực hiện hỗ trợ chuyển đổi nghề. Tổng số hộ có nhu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề là 28 hộ trên địa bàn vùng DTTS thuộc huyện Cờ Đỏ.

- Kinh phí thực hiện:

Dự kiến kinh phí thực hiện 1.400 triệu đồng, trong đó ngân sách thành phố (vốn sự nghiệp) hỗ trợ 280 triệu đồng (10 triệu đồng/hộ), vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội 1.120 triệu đồng (40 triệu đồng/hộ).

- Phân công thực hiện:

+ Ban Dân tộc chủ trì tổng hợp đối tượng và nhu cầu kinh phí gửi Sở Tài chính trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra giám sát việc thực hiện.

+ Sở Tài chính rà soát, tổng hợp phương án phân bổ vốn chi thường xuyên nguồn ngân sách trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 và hằng năm cho Ủy ban nhân dân huyện Cờ Đỏ để thực hiện Kế hoạch theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định.

+ Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thành phố Cần Thơ hướng dẫn quy trình, thủ tục cho vay, thu hồi nợ theo quy định, đảm bảo đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện; có thể ủy thác một số nội dung công việc cho các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở trong việc hỗ trợ vay vốn.

+ Ủy ban nhân dân huyện Cờ Đỏ rà soát nhu cầu thực tế, phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng giai đoạn 2022 – 2025 gửi Ban Dân tộc tổng hợp gửi Sở Tài chính trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thực hiện cấp phát tiền hỗ trợ



chuyên đổi nghề cho đối tượng thụ hưởng. Giám sát việc sử dụng nguồn vốn hỗ trợ và vốn vay của đối tượng thụ hưởng.

d) Kinh phí thực hiện Dự án 1:

Dự kiến kinh phí 2.450 triệu đồng, trong đó ngân sách thành phố vốn đầu tư hỗ trợ 600 triệu đồng, vốn sự nghiệp hỗ trợ 280 triệu đồng, vốn vay 1.495 triệu đồng, vốn huy động 75 triệu đồng từ đóng góp gia đình, dòng họ và các nguồn khác.

**2. Dự án 3 “Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng, miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị”:**

Thành phố sẽ phối hợp với Ủy ban Dân tộc triển khai thực hiện thí điểm dự án “Trung tâm kết nối giao thương thương mại, du lịch và quảng bá sản vật vùng đồng bào DTTS và miền núi” theo hướng dẫn cụ thể của Ủy ban Dân tộc.

Giao Ban Dân tộc thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc.

**3. Dự án 5 “Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực”:**

a) Tiêu dự án 1 “Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các Trường Phổ thông dân tộc nội trú, Trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS”:

Đối với Tiêu Dự án này, thành phố Cần Thơ đầu tư hỗ trợ Trường Phổ thông dân tộc nội trú (PTDNT), cụ thể:

- Mục tiêu:

Củng cố, phát triển Trường PTDNT nhằm góp phần tạo chuyên biến cơ bản về chất lượng giáo dục, tạo nguồn đào tạo cán bộ và phát triển nguồn nhân lực đối với vùng đồng bào DTTS; bảo đảm thực hiện công bằng trong giáo dục giữa các vùng, miền và dân tộc.

- Đối tượng thụ hưởng:

Trường PTDNT và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh đang trực tiếp quản lý, giảng dạy và học tập tại các nhà trường.

- Nội dung thực hiện:

Đối với Dự án này, thành phố sẽ đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp Trường PTDNT thành phố Cần Thơ.

- Kinh phí thực hiện:

Tổng mức vốn đầu tư là 24.799 triệu đồng từ ngân sách thành phố trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phân công thực hiện:



Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân quận Ô Môn tổ chức thực hiện Tiểu Dự án.

b) Tiểu Dự án 2 “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS; đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp”:

- Mục tiêu đến năm 2025:

+ Bồi dưỡng 08 lớp kiến thức dân tộc;

+ Bồi dưỡng 06 lớp dạy tiếng dân tộc thiểu số.

- Đối tượng thụ hưởng:

+ Bồi dưỡng kiến thức công tác dân tộc: cán bộ, công chức, viên chức theo dõi công tác dân tộc ở các sở, ban ngành thành phố, quận, huyện và cán bộ công chức, viên chức công tác ở vùng DTTS; dạy tiếng DTTS đối với cán bộ, công chức, viên chức, thuộc nhóm đối tượng 3, 4 tiếp xúc trực tiếp, làm việc với đồng bào dân tộc;

+ Đào tạo đại học và sau đại học: học sinh, sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức học tập và công tác trên địa bàn vùng DTTS và trong các cơ quan công tác dân tộc; ưu tiên người DTTS thuộc nhóm DTTS có khó khăn đặc thù, nhóm DTTS còn gặp nhiều khó khăn và phụ nữ DTTS.

- Nội dung thực hiện:

Bồi dưỡng về kiến thức dân tộc, văn hóa DTTS và chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước và tiếng DTTS theo nhóm đối tượng quy định tại Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018-2025”.

- Kinh phí thực hiện:

Ngân sách địa phương (vốn sự nghiệp) hỗ trợ 1.760 triệu đồng/8 lớp (220 triệu đồng/lớp, bao gồm: kinh phí tổ chức lớp, biên soạn tài liệu, in ấn giáo trình...) đối với bồi dưỡng kiến thức dân tộc, 1.320 triệu đồng/6 lớp (220 triệu đồng/lớp, bao gồm: kinh phí tổ chức lớp, biên soạn tài liệu, in ấn giáo trình...) đối với bồi dưỡng dạy tiếng DTTS.

- Phân công thực hiện:

Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện tổ chức thực hiện Tiểu Dự án.

+ Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học: lồng ghép thực hiện Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Thành ủy Cần Thơ về việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực thành phố Cần Thơ đến năm 2020 và những năm tiếp theo; Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về triển khai



thực hiện Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên DTTS; Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các DTTS giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Phân công thực hiện:

Sở Nội vụ chủ trì, tham mưu thực hiện Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, tham mưu thực hiện Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu thực hiện Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

c) Tiểu dự án 3 “Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên vùng DTTS”:

- Mục tiêu đến năm 2025:

+ Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục nghề nghiệp góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS;

+ Phần đầu đến năm 2025 đạt 60% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người DTTS.

- Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2025:

Thực hiện đào tạo nghề cho 630 lao động người DTTS thuộc vùng DTTS; phần đầu đạt 80% người lao động có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn sau khi học nghề.

- Đối tượng hỗ trợ:

+ Lao động là người DTTS sinh sống ở vùng đồng bào DTTS;

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung thực hiện:

+ Hỗ trợ đào tạo nghề:

Thực hiện đào tạo nghề cho khoảng 630 lao động người DTTS thuộc vùng DTTS, nội dung và định mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng. Kinh phí thực hiện: 2.525 triệu đồng.

+ Tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm; kiểm tra, giám sát, đánh giá:

. Phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí thông tin tuyên truyền, quán triệt tinh thần Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ



tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025, giai đoạn I: từ 2021 đến năm 2025;

- . Tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm đối với người DTTS;

- . Kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện Tiểu dự án 3 “Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên vùng DTTS”.

- . Kinh phí thực hiện 880 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện Tiểu dự án 3:

Nhu cầu kinh phí thực hiện: 3.405 triệu đồng từ ngân sách thành phố (vốn sự nghiệp).

- Phân công thực hiện:

- + Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện tổ chức thực hiện Tiểu dự án 3. Theo dõi kiểm tra, giám sát, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định;

- + Ủy ban nhân dân quận, huyện phối hợp tổ chức thực hiện Tiểu dự án 3 trên địa bàn.

d) Tiểu dự án 4: “Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp”:

- Đối với Tiểu Dự án này, thành phố sẽ chỉ đạo thực hiện khi Ủy ban Dân tộc ban hành Khung Chương trình đào tạo, Bộ tài liệu đào tạo sẽ tổ chức triển khai thực hiện theo tình hình thực tế của thành phố.

- Giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện căn cứ vào Khung Chương trình đào tạo, Bộ tài liệu đào tạo do Ủy ban Dân tộc ban hành, xây dựng kế hoạch, nội dung đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn thành phố trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt.

đ) Kinh phí thực hiện Dự án 5:

Kinh phí thực hiện là 31.284 triệu đồng từ ngân sách thành phố, trong đó vốn đầu tư hỗ trợ 24.799 triệu đồng, vốn sự nghiệp hỗ trợ 6.485 triệu đồng.

**4. Dự án 6 “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch”:**

a) Mục tiêu đến năm 2025:

- 100% các loại hình văn hóa vật thể và phi vật thể của các DTTS được khôi phục, bảo tồn;

- 100% di sản văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS được kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa bảo quản; 02 di tích quốc gia của đồng bào DTTS được hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp;



- 100% khu vực đồng bào DTTS được nâng cao mức hưởng thụ văn hóa và phát huy vai trò làm chủ trong xây dựng đời sống văn hóa, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu;

- Ít nhất 40% công chức văn hóa xã vùng đồng bào DTTS được tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống.

b) Đối tượng thụ hưởng:

- Đồng bào DTTS, nghệ nhân người DTTS;

- Văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể tiêu biểu của đồng bào dân DTTS;

- Di tích có giá trị tiêu biểu của các DTTS đã được xếp hạng cấp quốc gia, cấp thành phố;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung thực hiện:

- Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS: 100% di sản văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS được kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa.

- Hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người DTTS trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận:

+ Trợ cấp hàng tháng, y tế, bảo hiểm xã hội, giao thông công cộng, mai táng, tạo điều kiện về không gian và cơ sở vật chất để thực hành truyền dạy di sản;

+ Hỗ trợ các nghệ nhân tổ chức nghiên cứu, sưu tầm và truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể.

- Hỗ trợ nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy văn hóa phi vật thể các DTTS có nguy cơ mai một (Các hình thức sinh hoạt văn hóa, tập quán xã hội, nhạc cụ, kiến trúc truyền thống, trang phục truyền thống, đua ghe Ngo...):

+ 100% các loại hình văn hóa vật thể và phi vật thể tiêu biểu của các DTTS được khôi phục, bảo tồn;

+ Đánh giá, lựa chọn các dự án khôi phục, bảo tồn, phát huy văn hóa phi vật thể các DTTS có nguy cơ mai một đầu tư, hỗ trợ bảo tồn.

- Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào DTTS cấp phát cho cộng đồng các DTTS:

+ 100% ấp, khu vực đồng bào DTTS được nâng cao mức hưởng thụ văn hóa và phát huy vai trò làm chủ trong xây dựng đời sống văn hóa, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu;

+ Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc Khmer, Hoa cấp phát cho cộng đồng dân tộc Khmer, Hoa.

- Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các DTTS:



+ Bảo tồn, phát huy các môn thể thao truyền thống các DTTS tại các địa phương có hoạt động phong trào phát triển;

+ Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các ngày lễ, tết của đồng bào dân tộc Khmer, Hoa nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các dân tộc (đẩy gậy, kéo co...).

- Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số đã được xếp hạng trên địa bàn thành phố Cần Thơ:

Thành phố thực hiện Dự án tu bổ, chống xuống cấp di tích kiến trúc nghệ thuật Quốc gia Hiệp Thiên Cung (quận Cái Răng); di tích kiến trúc nghệ thuật Quốc gia Chùa Ông (Quận Triệu Hội Quán, quận Ninh Kiều) và di tích lịch sử - văn hóa cấp thành phố Chùa Pô Thi Som Rôn (quận Ô Môn).

- Hỗ trợ đầu tư trang thiết bị tại các ấp, khu vực vùng đồng bào DTTS:

Hỗ trợ trang thiết bị tại các ấp, khu vực vùng đồng bào DTTS gồm hỗ trợ trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, thiết bị công nghệ thông tin.

d) Kinh phí thực hiện:

Dự kiến kinh phí 16.530 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp của thành phố.

đ) Phân công thực hiện:

Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các sở, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện tham mưu tổ chức thực hiện Dự án 6. Theo dõi kiểm tra, giám sát, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

### **5. Dự án 7 “Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em”:**

a) Mục tiêu cụ thể đến năm 2025:

- Cải thiện sức khỏe của đồng bào DTTS cả về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ;

- Tăng cường công tác y tế cơ sở để đồng bào DTTS được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe;

- Tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào DTTS.

Chỉ số:

- Trên 95% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế;

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể nhẹ cân dưới 9%;

- Giảm tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi dưới 10‰.

b) Đối tượng:

- Đồng bào DTTS tại vùng DTTS, đặc biệt là phụ nữ mang thai, bà mẹ, trẻ em và người cao tuổi DTTS;

- Các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan.



c) Nội dung thực hiện:

- **Hợp phần 2.** Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào DTTS. Đối với Hợp phần 2 sẽ thực hiện những nội dung sau:

**Hoạt động 2.1.** Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh với sự tham gia của toàn xã hội tại vùng đồng bào DTTS:

+ Truyền thông, vận động chính sách, pháp luật về dân số, hôn nhân và gia đình; Tổ chức tư vấn chuyên môn tại cộng đồng về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh;

+ Tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh;

+ Hỗ trợ nam, nữ thanh niên thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; hỗ trợ bà mẹ thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh;

+ Sinh hoạt ngoại khóa cho các em học sinh trong trường Phổ thông Dân tộc Nội trú về kiến thức chăm sóc sức khỏe sinh sản...

**Hoạt động 2.2.** Đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số nhanh:

+ Tăng cường tuyên truyền, vận động; xây dựng môi trường xã hội ủng hộ và tham gia chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi;

+ Tổ chức chiến dịch truyền thông, tư vấn và khám sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng, bao gồm cả khuyến khích, hỗ trợ người cao tuổi tham gia;

+ Bổ sung trang thiết bị, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cơ sở y tế để tổ chức khám sức khỏe định kỳ và tư vấn, chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng.

**Hoạt động 2.3.** Ổn định và phát triển dân số của đồng bào DTTS tại vùng đồng bào DTTS:

+ Tuyên truyền, vận động chính sách, pháp luật về dân số, cư trú phù hợp tâm lý, tập quán của đồng bào sinh sống tại vùng đồng bào DTTS;

+ Tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số và vận động đối tượng thực hiện mô hình sinh đủ hai con tại các xã thuộc vùng đồng bào DTTS. Tổ chức các loại hình cung cấp dịch vụ dân số, kế hoạch hóa gia đình phù hợp tại các cơ sở y tế;

+ Kiểm soát, quản lý dân số tại vùng đồng bào DTTS. Rà soát thông tin, cơ sở dữ liệu; củng cố, kiện toàn kho dữ liệu chuyên ngành dân số; chia sẻ, kết nối với cơ sở dữ liệu các ngành liên quan.

**Hoạt động 2.4.** Nâng cao năng lực quản lý dân số vùng đồng bào DTTS:

Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cho cán bộ y tế, dân số, cộng tác viên dân số về chuyên môn kỹ thuật; nghiệp vụ quản lý dân số.

**Hoạt động 2.5.** Phòng chống bệnh Thalassemia tại vùng đồng bào DTTS:



+ Tuyên truyền thay đổi và nâng cao nhận thức, thái độ, hành vi của cộng đồng người DTTS trong việc thực hành sàng lọc bệnh Thalassemia;

+ Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế trong việc chẩn đoán, điều trị, chăm sóc và tư vấn phòng bệnh Thalassemia;

+ Tổ chức xét nghiệm tầm soát và quản lý bệnh di truyền Thalassemia cho đồng bào dân tộc thiểu số.

**- Hợp phần 3.** Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người DTTS. Đối với Hợp phần 3, thành phố thực hiện nội dung sau:

**Nhóm hoạt động 3.3.** Tuyên truyền vận động, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em:

+ Khảo sát xác định mô hình, nội dung, hình thức truyền thông về sức khỏe bà mẹ trẻ em phù hợp với bối cảnh văn hóa của các dân tộc;

+ Phát động và triển khai Tuần Lễ Làm mẹ an toàn tại tuyến cơ sở vào tháng 10 hàng năm: Tuần Lễ Làm mẹ an toàn do Bộ Y tế phát động và hướng dẫn triển khai tại 100% số xã trong phạm vi can thiệp dự án. 95% phụ nữ mang thai ở địa bàn dự án được tiếp cận các dịch vụ tư vấn, khám thai, xét nghiệm 3 bệnh và dinh dưỡng;

+ Phát triển, xây dựng và in các sản phẩm truyền thông phù hợp với bối cảnh văn hóa của từng dân tộc, gồm tờ rơi, áp phích, sách mỏng... được xây dựng và phân phát đến mạng lưới y tế cơ sở, các mô hình và hộ gia đình;

+ Phát triển, xây dựng các sản phẩm truyền thông về chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em phù hợp với bối cảnh văn hóa của từng dân tộc, bao gồm tin bài, video phổ biến kiến thức, phóng sự, trailer quảng bá, bài phát thanh... trên các phương tiện truyền thông đại chúng và mạng xã hội;

+ Nâng cao năng lực truyền thông cho cán bộ các cấp về công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em. Tổ chức tập huấn cho y tế tuyến xã và cán bộ các ban, ngành, đoàn thể về kiến thức và kỹ năng truyền thông chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em. Các nội dung truyền thông về chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em được lồng ghép vào hoạt động thường quy của mạng lưới y tế và sinh hoạt cộng đồng.

d) Kinh phí thực hiện:

Dự kiến kinh phí thực hiện 3.800 triệu đồng từ ngân sách thành phố (vốn sự nghiệp).

đ) Phân công thực hiện:

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Dự án 7.

**6. Dự án 9 “Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn”:**



Thành phố sẽ thực hiện Nội dung 2 “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vùng đồng bào DTTS”, cụ thể:

a) Mục tiêu:

Thông qua việc nâng cao nhận thức và ý thức pháp luật, chuyển đổi hành vi trong hôn nhân của đồng bào DTTS góp phần giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS; Trên 90% cán bộ làm công tác dân tộc các cấp, cán bộ văn hóa - xã hội cấp xã được nâng cao năng lực, kỹ năng vận động, tư vấn, truyền thông thay đổi hành vi về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS vào năm 2025; Duy trì không có số cặp tảo hôn và số cặp kết hôn cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS.

b) Đối tượng thực hiện:

- Nhóm thanh niên, người chưa thành niên là người DTTS từ 10 tuổi trở lên;
- Các bậc cha mẹ và học sinh Trường Phổ thông dân tộc nội trú;
- Nhóm phụ nữ và nam giới người DTTS tảo hôn, kết hôn cận huyết thống;
- Người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc.

c) Nội dung thực hiện:

- Công tác truyền thông: Biên soạn, cung cấp tài liệu, tập huấn về kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình. Tổ chức các hội nghị tập huấn, tuyên truyền hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS.

- Tăng cường các hoạt động tư vấn, can thiệp lồng ghép với các chương trình, dự án, mô hình chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số kế hoạch hóa gia đình, dinh dưỡng, phát triển thể chất có liên quan trong lĩnh vực hôn nhân nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vùng DTTS.

- Nhân rộng các mô hình phù hợp nhằm thay đổi hành vi, khả năng tiếp cận thông tin và huy động sự tham gia của cộng đồng thực hiện ngăn ngừa, giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS.

- Bồi dưỡng, nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác dân tộc tham gia thực hiện Dự án.

- Kiểm tra, đánh giá, sơ, tổng kết việc thực hiện Dự án và thực hiện các chính sách.

d) Kinh phí thực hiện:

Dự kiến kinh phí thực hiện 2.430 triệu đồng từ ngân sách thành phố (vốn sự nghiệp).

đ) Phân công thực hiện:

Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp, Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện.



## 7. Dự án 10 “Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS; kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình”

a) Tiểu dự án 1 (Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi):

- Nội dung số 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò người có uy tín:

+ Mục tiêu:

. Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ người có uy tín và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái ở vùng DTTS;

. Biểu dương, tôn vinh, ghi nhận công lao, sự đóng góp của các điển hình tiên tiến trong đồng bào DTTS trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

+ Đối tượng:

Các điển hình tiên tiến, người có uy tín trong vùng DTTS có nhiều đóng góp trên các lĩnh vực của đời sống xã hội trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

+ Nội dung thực hiện:

. Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ người có uy tín và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS;

. Triển khai thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của người có uy tín và lực lượng cốt cán có uy tín trong đồng bào DTTS;

. Xây dựng, phát hiện, bồi dưỡng, lựa chọn, quản lý, sử dụng đội ngũ người có uy tín và lực lượng cốt cán có uy tín trong vùng đồng bào DTTS phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương;

. Mua bảo hiểm y tế cho người có uy tín trong đồng bào DTTS;

. Tổ chức các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, nêu gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến trong đồng bào DTTS;

. Biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến trong đồng bào DTTS, định kỳ tổ chức (2 năm 1 lần đối với cấp thành phố) các hoạt động biểu dương, tôn vinh đối với các điển hình tiên tiến trong đồng bào DTTS; thăm hỏi ốm đau;

. Hàng năm, thành phố tổ chức hoạt động giao lưu, học tập kinh nghiệm cho người có uy tín; thăm hỏi ốm đau.

+ Kinh phí thực hiện:



Dự kiến kinh phí thực hiện 3.260 triệu đồng từ ngân sách thành phố (vốn sự nghiệp).

+ Phân công thực hiện:

Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện tổ chức thực hiện Nội dung số 01 của Tiểu Dự án.

- Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS:

+ Mục tiêu: Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao nhận thức cho người có uy tín, chức sắc tôn giáo, đồng bào DTTS.

+ Đối tượng:

. Đồng bào DTTS; người có uy tín, các chức sắc, chức việc tôn giáo ở vùng đồng bào DTTS;

. Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

+ Nội dung:

. Tổ chức các lớp Tập huấn cho cán bộ, công chức làm công tác dân tộc các cấp và cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến pháp luật vùng đồng bào DTTS; tổ chức Hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho các vị Achar, Ban Quản trị chùa, Ban Quản lý cơ sở thờ tự của người Khmer, Hoa, Trường áp, khu vực, người có uy tín và đồng bào DTTS tại vùng DTTS;

. Thực hiện biên soạn, phát hành tài liệu tuyên truyền bằng tiếng Việt, tài liệu song ngữ Việt – Khmer và Việt - Hoa, Bản tin Công tác dân tộc, Cẩm nang pháp luật, Sổ tay pháp luật và các ấn phẩm, tài liệu tuyên truyền khác; thực hiện cấp báo, tạp chí không thu tiền... nhằm nâng cao năng lực, khả năng tiếp nhận thông tin cho đội ngũ người có uy tín và lực lượng cốt cán có uy tín đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao.

+ Kinh phí thực hiện:

Dự kiến kinh phí thực hiện 6.230 triệu đồng từ ngân sách thành phố (vốn sự nghiệp).

+ Phân công thực hiện:

Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện tổ chức thực hiện Nội dung số 01 của Tiểu Dự án.

- Nội dung số 03: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng vùng đồng bào DTTS:

+ Mục tiêu: Bảo đảm công bằng trong tiếp cận công lý của đồng bào DTTS tại vùng DTTS, xây dựng các mô hình điểm giúp đồng bào kịp thời tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi gặp vướng mắc, tranh chấp pháp luật.



+ Đối tượng: đồng bào DTTS tại vùng DTTS; người thực hiện trợ giúp pháp lý và cán bộ các cơ quan liên quan.

+ Nội dung:

. Nâng cao nhận thức trợ giúp pháp lý điểm vùng đồng bào DTTS;

. Tổ chức chuyên đề trợ giúp pháp lý điểm kết nối cộng đồng tại vùng đồng bào DTTS;

. Biên soạn, cung cấp các tài liệu truyền thông về chính sách trợ giúp pháp lý cho người DTTS.

+ Phân công thực hiện:

Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các sở, ngành, các địa phương liên quan lồng ghép tổ chức thực hiện Nội dung số 03 của Tiểu Dự án 1.

- Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí thực hiện Tiểu Dự án 1 giai đoạn 2021-2025 dự kiến 9.490 triệu đồng từ vốn sự nghiệp thành phố.

b) Tiểu Dự án 2 “Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số”:

- Mục tiêu: Nâng cao khả năng ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin và trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Đối tượng: Cán bộ, công chức của các cơ quan làm công tác dân tộc các cấp trên địa bàn thành phố;

- Nội dung:

Xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ vùng đồng bào DTTS để phục vụ công tác dự tính, dự báo, hoạch định, quản lý thực hiện chính sách dân tộc và trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Kinh phí thực hiện:

Nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 dự kiến 2.815 triệu đồng từ vốn sự nghiệp thành phố.

- Phân công thực hiện:

Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành, các địa phương liên quan tổ chức thực hiện Tiểu dự án;

c) Tiểu dự án 3 “Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình”:

- Mục tiêu đến năm 2025:

Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch, đảm bảo thực hiện đạt các mục tiêu Kế hoạch.

- Đối tượng:



+ Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

+ Người dân trên địa bàn thụ hưởng Chương trình.

- Nội dung thực hiện:

+ Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ hàng năm, sơ kết, tổng kết giai đoạn 5 năm, rút kinh nghiệm việc tổ chức thực hiện Kế hoạch, đảm bảo Kế hoạch thực hiện đạt được mục tiêu đề ra.

+ Biểu dương, khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình.

- Kinh phí thực hiện:

Nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 dự kiến 285 triệu đồng từ vốn sự nghiệp thành phố.

- Phân công thực hiện: Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND quận, huyện tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Tiêu Dự án 3 của Dự án.

d) Kinh phí thực hiện:

Dự kiến kinh phí thực hiện Dự án 10 là 12.590 triệu đồng từ ngân sách thành phố (vốn sự nghiệp).

## **VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:**

**1.** Tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt trong hệ thống chính trị các cấp và trong đồng bào DTTS các chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực dân tộc, đặc biệt là ý nghĩa và tầm quan trọng của Chương trình mục tiêu quốc gia nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các ngành, các cấp và đồng bào DTTS trong công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc.

**2.** Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phải có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung cho các vùng đồng bào DTTS, hộ gia đình và cá nhân người DTTS, trong đó ưu tiên cho hộ nghèo, hộ có khó khăn đặc thù nhằm kịp thời giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách, đảm bảo an sinh xã hội, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống, giảm nghèo bền vững trong đồng bào DTTS.

**3.** Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về cơ chế, mục tiêu, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, công khai, minh bạch trong phân bổ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

**4.** Chủ động bố trí ngân sách thành phố đồng thời tích cực huy động nguồn lực xã hội hóa, nhất là nguồn lực từ hợp tác quốc tế để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó tập trung thực hiện mục tiêu hỗ trợ về đất ở, nhà ở, chuyển đổi nghề, đào tạo nghề, giáo dục, y tế trong đồng bào DTTS.

**5.** Tăng cường nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ cho vùng đồng bào DTTS.



6. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc, về thực hiện chính sách dân tộc, chống mọi biểu hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; đẩy mạnh việc thực hiện Kết luận số 65-KL/TW ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới.

7. Xây dựng, củng cố hệ thống chính trị, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân vững chắc ở vùng đồng bào DTTS.

8. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch ở các cấp, các ngành. Phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý những hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện.

9. Thường xuyên và định kỳ sơ kết, rút kinh nghiệm, kịp thời biểu dương, khen thưởng các cá nhân, tập thể có nhiều thành tích trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

## VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Ban Dân tộc:

a) Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp các chính sách dân tộc, đề xuất và tham gia thẩm định chính sách, các Dự án đầu tư liên quan đến vùng đồng bào DTTS.

b) Trên cơ sở hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện một số nội dung của Dự án 1; triển khai thực hiện thí điểm dự án “Trung tâm kết nối giao thương thương mại, du lịch và quảng bá sản vật vùng đồng bào DTTS và miền núi” theo hướng dẫn cụ thể của Ủy ban Dân tộc; Tiểu Dự án 2, Tiểu Dự án 4 thuộc Dự án 5; Nội dung 2 thuộc Dự án 9 và Tiểu Dự án 1, Tiểu Dự án 2, Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 10. Chủ động phối hợp với các sở, ngành được giao chủ trì thực hiện các Dự án, Tiểu Dự án còn lại của Kế hoạch.

c) Phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện tổng hợp các Dự án thành phần, xác định tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch cả giai đoạn và hằng năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để trình Hội đồng nhân dân thành phố.

d) Chủ động ký kết Chương trình phối hợp công tác với các sở, ngành liên quan nhằm thúc đẩy, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia.

đ) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ về dân tộc nhằm phục vụ công tác dự báo, hoạch định, quản lý việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia và thực hiện chính sách dân tộc.

e) Theo dõi, đôn đốc việc tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết, khen thưởng trong quá trình thực hiện. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia. Tham mưu thực hiện chế độ báo cáo kết quả thực hiện hằng năm, sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện kế hoạch vào cuối năm 2025, đồng thời xem xét



tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành kế hoạch thực hiện giai đoạn II từ năm 2026 – 2030 phù hợp với tình hình thực tế thành phố.

## **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

a) Hướng dẫn về quản lý đầu tư; tổng hợp giải quyết hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết khó khăn, vướng mắc của chủ đầu tư trong quá trình triển khai các dự án đầu tư theo quy định;

b) Thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cho các dự án theo kế hoạch và các dự án phát sinh (nếu có) để Ủy ban nhân dân thành phố làm cơ sở phê duyệt các dự án theo quy định;

c) Phối hợp với Sở Tài chính và Ban Dân tộc tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố đề xuất phương án cân đối, trình Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt vốn đầu tư phát triển trung hạn và hằng năm trong giai đoạn 2021 – 2025 để tổ chức thực hiện các Dự án, Tiểu Dự án do thành phố quản lý. Rà soát, tổng hợp, phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung hạn và hằng năm trong giai đoạn 2021 – 2025 cho các sở, ngành liên quan thực hiện Kế hoạch theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định.

## **3. Sở Tài chính:**

a) Trên cơ sở đề xuất của Ban Dân tộc và khả năng cân đối ngân sách, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí chi thường xuyên (vốn sự nghiệp) nguồn ngân sách trung hạn và hằng năm giai đoạn 2021 – 2025 để thực hiện Kế hoạch theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định;

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung hạn và hằng năm giai đoạn 2021 – 2025 của Kế hoạch.

## **4. Sở Công Thương:**

Phối hợp với Ban Dân tộc và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện thí điểm dự án “Trung tâm kết nối giao thương thương mại, du lịch và quảng bá sản vật vùng đồng bào DTTS và miền núi” theo kế hoạch cụ thể của Ủy ban Dân tộc.

## **5. Sở Giáo dục và Đào tạo:**

Phối hợp với Ban Dân tộc và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 5 của kế hoạch.

## **6. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:**

Phối hợp với Ban Dân tộc và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 5 của kế hoạch.

## **7. Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch:**

Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện Dự án 6 của kế hoạch.

## **8. Sở Y tế:**



Phối hợp với Ban Dân tộc và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Dự án 7 của kế hoạch.

### **9. Sở Khoa học và Công nghệ:**

Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ cho vùng đồng bào DTTS. Phối hợp với Ban Dân tộc xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ vùng đồng bào DTTS để phục vụ công tác dự tính, dự báo, hoạch định, quản lý thực hiện chính sách dân tộc.

### **10. Sở Thông tin và Truyền thông:**

Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố Cần Thơ, Báo Cần Thơ và các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, tạo đồng thuận xã hội, để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia. Phối hợp với Ban Dân tộc xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ vùng đồng bào DTTS để phục vụ công tác dự tính, dự báo, hoạch định, quản lý thực hiện chính sách dân tộc.

### **11. Sở Nội vụ:**

Tham mưu lồng ghép công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực của thành phố trong đó có đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

### **12. Sở Tài Nguyên và Môi trường:**

Phối hợp với Ban Dân tộc cùng Ủy ban nhân dân huyện Cờ Đỏ và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc hỗ trợ đất ở, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Dự án 1 của Kế hoạch.

### **13. Sở Xây dựng:**

Phối hợp với Ban Dân tộc và Ủy ban nhân dân huyện Cờ Đỏ và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện trình tự, thủ tục liên quan đến chính sách hỗ trợ xây dựng nhà ở tại Dự án 1 của Kế hoạch.

### **14. Sở Tư pháp:**

Tham mưu thực hiện công tác trợ giúp pháp lý cho đồng bào DTTS tại vùng DTTS theo quy định; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân vùng đồng bào DTTS.

### **15. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ:**

Phối hợp với Ban Dân tộc, các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện đảm bảo thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi theo Kế hoạch này và các văn bản có liên quan theo quy định.

### **16. Bảo hiểm xã hội thành phố:**

Huy động, lồng ghép mọi nguồn lực hợp pháp nhằm hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho người DTTS; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người DTTS tích cực, chủ động tham gia bảo hiểm y tế.



### **17. Bộ Chỉ huy quân sự thành phố:**

Đảm bảo thể trận quốc phòng toàn dân vùng đồng bào DTTS. Phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội địa phương xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh.

### **18. Công an thành phố:**

Thực hiện tốt thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận lòng dân vững chắc ở vùng đồng bào DTTS; chủ động nắm chắc tình hình, giải quyết những mâu thuẫn ngay từ cơ sở, kiên quyết không để xảy ra các "điểm nóng", "điểm phức tạp" về an ninh trật tự trong đồng bào DTTS. Đấu tranh với các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn thành phố.

### **19. Ủy ban nhân dân huyện Cờ Đỏ:**

a) Rà soát, tổng hợp và phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng các Dự án, Tiểu Dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia theo yêu cầu. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về tính chính xác các thông tin, số liệu liên quan đến các dự án, số vốn đề xuất và thực hiện đúng mục tiêu được phê duyệt. Phân bổ vốn triển khai thực hiện các nội dung tại Kế hoạch;

b) Công khai danh mục chi tiết các đối tượng thụ hưởng kế hoạch tại cộng đồng dân cư vùng đồng bào DTTS, đảm bảo tính minh bạch để đồng bào, nhân dân tham gia giám sát. Trong quá trình thực hiện nếu có điều chỉnh danh mục dự án, đối tượng thụ hưởng phải báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét;

c) Bố trí đất ở cho đối tượng thụ hưởng vào khu dân cư DTTS trên địa bàn huyện; thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư công trình hỗ trợ nhà ở theo danh sách phê duyệt;

d) Căn cứ Kế hoạch và theo tình hình thực tế tại địa phương xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện giai đoạn và hàng năm. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch ở địa phương. Đồng thời phối hợp với các sở, ngành thành phố triển khai thực hiện một số Dự án thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia.

### **20. Ủy ban nhân dân quận, huyện:**

Căn cứ Kế hoạch này và theo tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân quận, huyện chủ động phối hợp với các sở, ngành chủ trì thực hiện các Dự án, Tiểu Dự án triển khai thực hiện trên địa bàn.

21. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao lồng ghép thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch vào nhiệm vụ công tác của cơ quan, chủ động phối hợp tuyên truyền, tổ chức triển khai, giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch.

## **VIII. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Nguồn kinh phí thực hiện kế hoạch từ ngân sách thành phố, vốn vay tín dụng từ Ngân hàng Chính sách xã hội, vốn huy động xã hội hóa và nguồn vốn



lồng ghép từ các chương trình, dự án, chính sách khác thực hiện cùng mục tiêu trên địa bàn;

2. Nội dung chi thực hiện theo quy định hiện hành và có thể được xem xét, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và tình hình thực tế.

## IX. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Định kỳ **trước 10 tháng 6** hàng năm các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Cờ Đỏ xây dựng Kế hoạch, dự trù kinh phí thực hiện cho năm tiếp theo và báo cáo kết quả thực hiện trong năm trước **ngày 15 tháng 11** về Ban Dân tộc (cơ quan chủ trì) và Sở Kế hoạch Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp. Quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo Ban Dân tộc để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét.

2. Giao Ban Dân tộc tham mưu, theo dõi việc triển khai thực hiện kế hoạch; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch và khen thưởng theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ 2021 đến năm 2025. Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ. Kết thúc giai đoạn I (2021 – 2025), thành phố sẽ tổ chức tổng kết kết quả thực hiện, đồng thời bám sát sự chỉ đạo của Trung ương và tình hình thực tế địa phương sẽ tiếp tục ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện giai đoạn II (2026 – 2030)./

(Đính kèm Phụ lục phân công nhiệm vụ)

### Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc;
- Vụ Địa phương III;
- TT. TU, TT. HĐND;
- CT, PCT UBND TP (1ABCDE);
- Thành viên BCD các CTr MTQG;
- Ủy ban MTTQVN TP và các Đoàn thể;
- Các sở, ban ngành thành phố;
- UBND quận, huyện;
- Ban Dân tộc TP;
- VP UBND thành phố (3C);
- Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT. HK



**Trần Việt Trường**





## PHỤ LỤC

### Phân công nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố

(Kèm theo Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
<b>1</b>	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>			
1.1	Hỗ trợ đất ở	Ban Dân tộc	Sở TN&MT và UBND huyện Cờ Đỏ	2023-2025
1.2	Hỗ trợ nhà ở	Ban Dân tộc	Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Chi nhánh Ngân hàng CSXH thành phố và UBND huyện Cờ Đỏ	2022-2025
1.3	Hỗ trợ chuyển đổi nghề	Ban Dân tộc	Sở Tài chính, Chi nhánh Ngân hàng CSXH thành phố và UBND huyện Cờ Đỏ	2023-2025
<b>2</b>	<b>Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng, miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị</b>	Ban Dân tộc	Sở Công Thương, các sở, ngành liên quan và UBND quận, huyện	2023-2025
<b>3</b>	<b>Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</b>			
3.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS	Sở Giáo dục và Đào tạo	Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân quận Ô Môn	2022-2025



TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
3.2	<i>Tiểu Dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS; đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp</i>	Ban Dân tộc	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ và UBND quận, huyện	2022-2025
3.3	<i>Tiểu Dự án 3: Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên vùng DTTS</i>	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Ban Dân tộc và các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện	2023-2025
4	<b>Dự án 6: “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch</b>	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ban Dân tộc và các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện	2022-2025
5	<b>Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em</b>	Sở Y tế	Ban Dân tộc và các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện	2022-2025
6	<b>Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn</b>	Ban Dân tộc	Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện	2023-2025
7	<b>Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình.</b>	Ban Dân tộc	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện	2022-2025
8	<b>Nội dung số 03 thuộc Tiểu dự án 1 của Dự án 10: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng vùng đồng bào DTTS</b>	Sở Tư pháp	Ban Dân tộc, các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện	2022-2025



**BIỂU CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ**

(Kèm theo Kế hoạch số 213 /KH-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2022 của UBND thành phố Cần Thơ)

TT	Mục tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu năm 2021	Mục tiêu năm 2022	Mục tiêu năm 2023	Mục tiêu năm 2024	Mục tiêu năm 2025
1	Thu nhập bình quân đầu người của người DTTS	Triệu đồng	Bằng mức thu nhập bình quân khu vực nông thôn				
2	Giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS hàng năm	%	0	≥ 0,3	≥ 0,3	≥ 0,3	<0,5
3	Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường	%	95	96	97	98	> 98
4	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học tiểu học	%	100	100	100	100	100
5	Tỷ lệ học sinh học trung học cơ sở	%	93	93,5	94	94,5	95%
6	Tỷ lệ học sinh học trung học phổ thông	%	68	69	70	71	>72
7	Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông	%	95	96	97	98	>98
8	Tỷ lệ đồng bào DTTS tham gia bảo hiểm y tế	%	94	95	96	97	98
9	Tỷ lệ phụ nữ có thai được khám thai định kỳ	%	91	92	93	94	>95
10	Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ	%	10	<10	9,5	<9,5	<9
11	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người DTTS	%	40	45	50	55	60



**PHỤ LỤC 1: TỔNG HỢP NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA  
PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ  
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

*(Kèm theo Kế hoạch số: 213 /KH-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

ĐVT: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Đối tượng thụ hưởng giai đoạn 2021 - 2025	Kinh phí giai đoạn 2021-2025	Năm 2022					Năm 2023					Năm 2024					Năm 2025		
					Đối tượng thụ hưởng	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn vay tín dụng	Vốn huy động	Đối tượng thụ hưởng	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn vay tín dụng	Vốn huy động	Đối tượng thụ hưởng	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn vay tín dụng	Vốn huy động	Đối tượng thụ hưởng	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
I	<b>DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>		104	2,450	3	-	-	75	15	101	600	280	1,420	60	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Hỗ trợ đất ở	hộ	61	-	-	-	-	-	-	61	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Hỗ trợ nhà ở	hộ	15	1,050	3	-	-	75	15	12	600	-	300	60	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Hỗ trợ đất sản xuất, hỗ trợ chuyển đổi nghề	hộ	28	1,400	-	-	-	-	-	28	-	280	1120	0	-	-	-	-	-	-	-	-
II	<b>DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</b>		645	31,284	2	500	440	-	-	214	14,000	2,016	-	-	214	10,299	2,015	-	-	214	-	2,014
I	Tiểu dự án 1 “Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS” (đã được phê duyệt vốn thực hiện)	công trình	1	24,799	-	500	-	-	-	-	14,000	-	-	-	-	10299	0	-	-	-	-	-
2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp		14	3,080	2	-	440	-	-	4	-	880	0	0	4	0	880	-	-	4	-	880
2.1	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	lớp	8	1,760	2	-	440	-	-	2	-	440	-	-	2	-	440	-	-	2	-	440

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đổi tượng thụ hưởng giai đoạn 2021-2025	Kinh phí giai đoạn 2021-2025	Năm 2022					Năm 2023					Năm 2024					Năm 2025		
					Đổi tượng thụ hưởng	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn vay tín dụng	Vốn huy động	Đổi tượng thụ hưởng	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn vay tín dụng	Vốn huy động	Đổi tượng thụ hưởng	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn vay tín dụng	Vốn huy động	Đổi tượng thụ hưởng	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
2.2	Bồi dưỡng dạy tiếng dân tộc thiểu số	lớp	6	1,320	-	-	-	-	-	2	-	440	-	-	2	-	440	-	-	2	-	440
3	Tiêu dự án 3 "Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên vùng DTTS"			3,405	-	-	-	-	-	210	-	1,136	-	-	210	-	1,135	-	-	210	-	1,134
3.1	Hỗ trợ đào tạo nghề	lao động	630	2,525	-	-	-	-	-	210	-	842	-	-	210	-	842	-	-	210	-	841
3.2	Tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm; kiểm tra, giám sát, đánh giá		-	880	-	-	-	-	-	-	-	294	-	-	-	-	293	-	-	-	-	293
III	<b>DỰ ÁN 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch</b>		-	16,530	-	-	1,745	-	-	-	-	8,545	-	-	-	-	3,096	-	-	-	-	3,145
1	Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS		-	1,350	-	-	0	-	-	-	-	400	-	-	-	-	450	-	-	-	-	500
2	Hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người DTTS trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận		-	530	-	-	132.5	-	-	-	-	132.5	-	-	-	-	132.5	-	-	-	-	132.5
3	Hỗ trợ nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy văn hóa phi vật thể các DTTS có nguy cơ mai một		-	1,200	-	-	0	-	-	-	-	400	-	-	-	-	400	-	-	-	-	400
4	Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào DTTS cấp phát cho cộng đồng các DTTS		-	1,000	-	-	0	-	-	-	-	0	-	-	-	-	500	-	-	-	-	500



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đối tượng thụ hưởng giai đoạn 2021 - 2025	Kinh phí giai đoạn 2021-2025	Năm 2022					Năm 2023					Năm 2024					Năm 2025		
					Đối tượng thụ hưởng	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn vay tín dụng	Vốn huy động	Đối tượng thụ hưởng	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn vay tín dụng	Vốn huy động	Đối tượng thụ hưởng	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn vay tín dụng	Vốn huy động	Đối tượng thụ hưởng	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
5	Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các DTTS (Tổ chức các hoạt động thể thao truyền thống: Giải Khmer đẩy gậy, kéo co; Giải đua thuyền truyền thống; Trò chơi dân gian)		-	450	-	-	112	-	-	-	-	113	-	-	-	-	113	-	-	-	-	112
6	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số đã được xếp hạng trên địa bàn thành phố Cần Thơ		-	10,000	-	-	1,000	-	-	-	-	7,000	-	-	-	-	1,000	-	-	-	-	1,000
7	Hỗ trợ đầu tư trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS		-	2,000	-	-	500	-	-	-	-	500	-	-	-	-	500	-	-	-	-	500
IV	<b>DỰ ÁN 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em</b>		-	3,800	-	-	872	-	-	-	-	981	-	-	-	-	976	-	-	-	-	971
1	<b>Hợp phần 2. Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào DTTS</b>		-	2,710	-	-	682	-	-	-	-	681	-	-	-	-	676	-	-	-	-	671
1.1	<b>Hoạt động 2.1.</b> Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh với sự tham gia của toàn xã hội tại vùng đồng bào DTTS		-	740	-	-	185	-	-	-	-	185	-	-	-	-	185	-	-	-	-	185
	<b>Hoạt động 2.2.</b> Đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số nhanh		-	440	-	-	110	-	-	-	-	110	-	-	-	-	110	-	-	-	-	110
1.2	<b>Hoạt động 2.3.</b> Ổn định và phát triển dân số của đồng bào DTTS tại vùng đồng bào DTTS		-	435	-	-	110	-	-	-	-	110	-	-	-	-	110	-	-	-	-	105

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Đổi tượng thụ hưởng giai đoạn 2021 - 2025	Kinh phí giai đoạn 2021-2025	Năm 2022					Năm 2023					Năm 2024					Năm 2025		
					Đổi tượng thụ hưởng	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn vay tín dụng	Vốn huy động	Đổi tượng thụ hưởng	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn vay tín dụng	Vốn huy động	Đổi tượng thụ hưởng	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn vay tín dụng	Vốn huy động	Đổi tượng thụ hưởng	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
1.3	Hoạt động 2.4. Nâng cao năng lực quản lý dân số vùng đồng bào DTTS		-	435	-	-	112	-	-	-	-	111	-	-	-	-	106	-	-	-	-	106
1.4	Hoạt động 2.5. Phòng chống bệnh Thalassemia tại vùng đồng bào DTTS		-	660	-	-	165	-	-	-	-	165	-	-	-	-	165	-	-	-	-	165
2	Hợp phần 3. Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ-trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người DTTS		-	1,090	-	-	190	-	-	-	-	300	-	-	-	-	300	-	-	-	-	300
2.1	Nhóm hoạt động 3.3 – Tuyên truyền vận động, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em		-	1,090	-	-	190	-	-	-	-	300	-	-	-	-	300	-	-	-	-	300
V	DỰ ÁN 9: “Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn”		6	2,430	-	-	-	-	-	-	-	790	-	-	-	-	810	-	-	-	-	830
	Nội dung 2 “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vùng đồng bào DTTS”			2,430								790					810					830
1	Biên soạn, cung cấp tài liệu tuyên truyền		-	960	-	-	-	-	-	-	-	320	-	-	-	-	320	-	-	-	-	320
2	Tổ chức các hội nghị tập huấn, tuyên truyền hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS	Hội nghị	3	1,140	-	-	-	-	-	-	-	360	-	-	-	-	380	-	-	-	-	400
3	Tổ chức Lớp Bồi dưỡng, nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác dân tộc tham gia thực hiện Dự án	Lớp	3	330	-	-	-	-	-	-	-	110	-	-	-	-	110	-	-	-	-	110
V	DỰ ÁN 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS; kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình		-	12,590	-	-	1,690	-	-	-	-	2,720	-	-	-	-	5,295	-	-	-	-	2,885



TT	Chi tiêu	Đơn vị	Đối tượng thu hưởng giai đoạn 2021 - 2025	Kinh phí giải đoạn 2021-2025	Năm 2022					Năm 2023					Năm 2024					Năm 2025		
					Đối tượng thu hưởng	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn vay tín dụng	Vốn huy động	Đối tượng thụ hưởng	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn vay tín dụng	Vốn huy động	Đối tượng thụ hưởng	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn vay tín dụng	Vốn huy động	Đối tượng thụ hưởng	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
1	<b>Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào</b>		-	9,490	-	-	1,660	-	-	-	-	2,670	-	-	-	-	2440	-	-	-	-	2720
1.1	Biểu dương, tôn vinh đối với các điển hình tiên tiến trong đồng bào DTTS; thăm hỏi ốm đau.	cuộc	2	500	-	-	-	-	-	-	-	250	-	-	-	-	-	-	-	-	-	250
1.2	Mua bảo hiểm y tế cho người có uy tín trong đồng bào DTTS (kinh phí được cấp thực hiện hằng năm theo Nghị quyết số 08/2017/NQ-HDND ngày 06/10/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố)			1,000	-	-	240	-	-	-	-	250	-	-	-	-	250	-	-	-	-	260
1.3	Tổ chức hoạt động giao lưu, học tập kinh nghiệm (kinh phí được cấp thực hiện hằng năm cho Ban Dân tộc)	chuyên	8	1760	-	-	440	-	-	-	-	440	-	-	-	-	440	-	-	-	-	440
1.4	Tổ chức các Tập huấn cho cán bộ, công chức làm công tác dân tộc các cấp và cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến pháp luật vùng đồng bào DTTS	Lớp	3	750	-	-	-	-	-	-	-	250	-	-	-	-	250	-	-	-	-	250
1.4	Tổ chức các Hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người có uy tín (kinh phí được cấp thực hiện hằng năm cho Ban Dân tộc)	Hội nghị	4	1,500	-	-	360	-	-	-	-	360	-	-	-	-	380	-	-	-	-	400
1.5	Thực hiện tài liệu tuyên truyền bằng tiếng Việt, tài liệu song ngữ, Bản tin Công tác dân tộc, cẩm nang pháp luật, sổ tay pháp luật..., cấp báo, tạp chí không thu tiền (kinh phí được cấp thực hiện hằng năm cho Ban Dân tộc)			3,980	-	-	620	-	-	-	-	1,120	-	-	-	-	1120	-	-	-	-	1120

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Đối tượng thụ hưởng giai đoạn 2021 - 2025	Kinh phí giai đoạn 2021-2025	Năm 2022					Năm 2023					Năm 2024					Năm 2025		
					Đối tượng thụ hưởng	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn vay tín dụng	Vốn huy động	Đối tượng thụ hưởng	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn vay tín dụng	Vốn huy động	Đối tượng thụ hưởng	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn vay tín dụng	Vốn huy động	Đối tượng thụ hưởng	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Tiểu Dự án 2 “Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS”		-	2,815	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,815	-	-	-	-	-
	Xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ vùng đồng bào DTTS để phục vụ công tác dự tính, dự báo, hoạch định, quản lý thực hiện chính sách dân tộc		-	2,815	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,815	-	-	-	-	-
2	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình		-	285	-	-	30	-	-	-	-	50	-	-	-	-	40	-	-	-	-	165
2.1	Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ hàng năm, sơ kết, tổng kết giai đoạn 5 năm		-	185	-	-	30	-	-	-	-	50	-	-	-	-	40	-	-	-	-	65
2.2	Biểu dương, khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình		-	100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100
2.3	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>749</b>	<b>69,084</b>	<b>5</b>	<b>500</b>	<b>4,747</b>	<b>75</b>	<b>15</b>	<b>315</b>	<b>14,600</b>	<b>15,332</b>	<b>1,420</b>	<b>60</b>	<b>214</b>	<b>10,299</b>	<b>12,192</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>214</b>	<b>-</b>	<b>9,845</b>

Tổng KP giai đoạn 2022 - 2025: 69,084 triệu đồng, trong đó:

Vốn đầu tư: 25,399 Tr đồng

Vốn sự nghiệp: 42,115 Tr đồng

Vốn vay NHCSXH: 1,495 Tr đồng

Vốn huy động: 75 Tr đồng



**PHỤ LỤC 2: ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG ĐẤT Ở**

(Kèm theo Kế hoạch số 213 /KH-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2022  
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

TT	Quận, huyện	Đơn vị	Hỗ trợ đất ở	
			Giai đoạn 2021 - 2025	Thực hiện năm 2023
<b>I</b>	<b>Huyện Cờ Đỏ</b>	<b>hộ</b>	<b>41</b>	<b>41</b>
1	Thị trấn Cờ Đỏ	hộ	22	22
2	Xã Thới Xuân	hộ	12	12
3	Xã Thới Đông	hộ	2	2
4	Xã Đông Hiệp	hộ	1	1
5	Xã Đông Thắng	hộ	0	0
6	Xã Thới Hưng	hộ	1	1
7	Xã Trung Hưng	hộ	0	0
8	Xã Trung Thạnh	hộ	2	2
9	Xã Trung An	hộ	0	0
10	Xã Thạnh Phú	hộ	1	1
<b>II</b>	<b>Huyện Thới Lai</b>	<b>hộ</b>	<b>6</b>	<b>6</b>
1	Thị trấn Thới Lai	hộ	0	0
2	Xã Thới Thạnh	hộ	1	1
3	Xã Tân Thạnh	hộ	0	0
4	Xã Định Môn	hộ	5	5
5	Xã Trường Thắng	hộ	0	0
6	Xã Thới Tân	hộ	0	0
7	Xã Đông Thuận	hộ	0	0
8	Xã Đông Bình	hộ	0	0
9	Xã Trường Xuân A	hộ	0	0
<b>III</b>	<b>Quận Ô Môn</b>	<b>hộ</b>	<b>7</b>	<b>7</b>
1	Phường Châu Văn Liêm	hộ	4	4
2	phường Trường Lạc	hộ	3	3
3	phường Thới An	hộ	0	0
4	phường Phước Thới	hộ	0	0
<b>IV</b>	<b>Quận Thốt Nốt</b>	<b>hộ</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
1	phường Thới Thuận	hộ	1	1
2	phường Trung Nhứt	hộ	1	1
<b>V</b>	<b>Huyện Vĩnh Thạnh</b>	<b>hộ</b>	<b>5</b>	<b>5</b>
1	TT Thạnh An	hộ	3	3
2	xã Thạnh An	hộ	2	2
<b>Tổng số</b>			<b>61</b>	<b>61</b>

Ghi chú: có 02 hộ thuộc vùng DTTS

**PHỤ LỤC 3: TỔNG HỢP ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG NHÀ Ở**

*(Kèm theo Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Quận, huyện	Đơn vị	Kinh phí giai đoạn 2021-2025				Kinh phí năm 2022				Kinh phí năm 2023			
			Đối tượng thụ hưởng	Vốn đầu tư	Vốn vay	Vốn huy động (đóng góp từ gia đình)	Đối tượng thụ hưởng	Vốn đầu tư	Vốn vay	Vốn huy động (đóng góp từ gia đình)	Đối tượng thụ hưởng	Vốn đầu tư	Vốn vay	Vốn huy động (đóng góp từ gia đình)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
<b>1</b>	<b>Huyện Cờ Đỏ</b>	<b>hộ</b>	<b>15</b>	<b>750</b>	<b>375</b>	<b>75</b>	<b>3</b>	<b>-</b>	<b>75</b>	<b>15</b>	<b>12</b>	<b>600</b>	<b>300</b>	<b>60</b>
<b>1</b>	<b>Thị trấn Cờ Đỏ</b>	<b>hộ</b>	<b>10</b>	<b>500</b>	<b>250</b>	<b>50</b>	<b>3</b>	<b>-</b>	<b>75</b>	<b>15</b>	<b>7</b>	<b>350</b>	<b>175</b>	<b>35</b>
1.1	Lý Thị Tâm, Ấp Thới Hòa B		1	50	25	5	-	-	-	-	1	50	25	5
1.2	Trần Trọng Ngân, Ấp Thới Hòa B		1	50	25	5	-	-	-	-	1	50	25	5
1.3	Liêu Trắng, Ấp Thới Hòa B		1	50	25	5	1	-	25	5	-	-	-	-
1.4	Danh Ri, Ấp Thới Hòa B		1	50	25	5	1	-	25	5	-	-	-	-
1.5	Lý Thị Lệ, Ấp Thới Hòa B		1	50	25	5	-	-	-	-	1	50	25	5



1.6	Đào Thị Phúc, Ấp Thới Hòa B		1	50	25	5	-	-	-	-	1	50	25	5
1.7	Kim Thái Phong, Ấp Thới Hòa B		1	50	25	5	-	-	-	-	1	50	25	5
1.8	Đào Thị Hoa, Ấp Thới Hòa B		1	50	25	5	-	-	-	-	1	50	25	5
1.9	Danh Thị Tiêng, Ấp Thới Hòa B		1	50	25	5	1	-	25	5	-	-	-	-
1.10	Phạm Văn Thái, Ấp Thới Hòa B		1	50	25	5	-	-	-	-	1	50	25	5
<b>2</b>	<b>Xã Thới Đông</b>	<b>hộ</b>	<b>5</b>	<b>250</b>	<b>125</b>	<b>25</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5</b>	<b>250</b>	<b>125</b>	<b>25</b>
2.1	Mai Trường Sum, ấp Thới Hưng		1	50	25	5	-	-	-	-	1	50	25	5
2.2	Thạch Văn Sĩ, ấp Thới Hưng		1	50	25	5	-	-	-	-	1	50	25	5
2.3	Lý Thị Thum, ấp Thới Hòa		1	50	25	5	-	-	-	-	1	50	25	5
2.4	Thạch Cẩm, ấp Thới Hòa		1	50	25	5	-	-	-	-	1	50	25	5
2.5	Thạch Ngụ, ấp Thới Xuyên		1	50	25	5	-	-	-	-	1	50	25	5

Ghi chú: vốn đầu tư hỗ trợ 50 triệu đồng, vốn vay từ NHCSXH 25 triệu đồng, vốn huy động 5 triệu đồng

**PHỤ LỤC 4: TỔNG HỢP ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ CHUYÊN ĐỔI NGHỀ**  
(Kèm theo Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 20 tháng 1 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Quận, huyện	Đơn vị	Kinh phí giai đoạn 2021-2025				Kinh phí năm 2023		
			Đối tượng thụ hưởng	Nghề mong muốn chuyển đổi	Vốn sự nghiệp	Vốn vay	Đối tượng thụ hưởng	Vốn sự nghiệp	Vốn vay
1	2	3	4	5	6	7	11	12	13
<b>I</b>	<b>Huyện Cờ Đỏ</b>	<b>hộ</b>	<b>28</b>		<b>280</b>	<b>1120</b>	<b>28</b>	<b>280</b>	<b>1120</b>
<b>1</b>	<b>Thị trấn Cờ Đỏ</b>	<b>hộ</b>	<b>17</b>		<b>170</b>	<b>680</b>	<b>17</b>	<b>170</b>	<b>680</b>
1.1	Trần Trọng Ngân, ấp Thới Hòa B		1	Chăn nuôi	10	40	1	10	40
1.2	Liêu Thị Sen, ấp Thới Hòa B		1	Chăn nuôi	10	40	1	10	40
1.3	Đào Thị Phúc, ấp Thới Hòa B		1	Chăn nuôi	10	40	1	10	40
1.4	Danh Bảo Quốc, ấp Thới Hòa B		1	Chăn nuôi	10	40	1	10	40
1.5	Lý Thị Tâm (Danh Nơi), ấp Thới Hòa B		1	Chăn nuôi	10	40	1	10	40
1.6	Thạch Thị Hà, ấp Thới Hòa B		1	Chăn nuôi	10	40	1	10	40
1.7	Danh Dẻo, ấp Thới Hòa B		1	Chăn nuôi	10	40	1	10	40
1.8	Thạch Nguyên, ấp Thới Hòa B		1	Chăn nuôi	10	40	1	10	40
1.9	Danh Thị Tiêng, ấp Thới Hòa B		1	Chăn nuôi	10	40	1	10	40
1.10	Danh Ri, ấp Thới Hòa B		1	Chăn nuôi	10	40	1	10	40
1.11	Đào Thị Hoa, ấp Thới Hòa B		1	Chăn nuôi	10	40	1	10	40
1.12	Liêu Trắng, ấp Thới Hòa B		1	Chăn nuôi	10	40	1	10	40
1.13	Kim Thái Phong, ấp Thới Hòa B		1	Chăn nuôi	10	40	1	10	40
1.14	Phạm Văn Thái, ấp Thới Hòa B		1	Chăn nuôi	10	40	1	10	40
1.15	Lý Thị Lệ, ấp Thới Hòa B		1	Chăn nuôi	10	40	1	10	40
1.16	Danh Giàu, ấp Thới Hòa B		1	Chăn nuôi	10	40	1	10	40
1.17	Đào Thị Bích, ấp Thới Bình		1	Chăn nuôi	10	40	1	10	40
<b>2</b>	<b>Xã Thới Xuân</b>	<b>hộ</b>	<b>2</b>		<b>20</b>	<b>80</b>	<b>2</b>	<b>20</b>	<b>80</b>
2.1	Thạch Thị Mười, ấp Thới Trường 2		1	Chăn nuôi	10	40	1	10	40
2.2	Nguyễn Thị Chợ, ấp Thới Hòa C		1	Chăn nuôi	10	40	1	10	40
<b>3</b>	<b>Xã Thới Đông</b>	<b>hộ</b>	<b>9</b>		<b>90</b>	<b>360</b>	<b>9</b>	<b>90</b>	<b>360</b>
3.1	Thạch Ngụ, ấp Thới Xuyên		1	Chăn nuôi	10	40	1	10	40
3.2	Đào Thị Sâm, ấp Thới Xuyên		1	Chăn nuôi	10	40	1	10	40
3.3	Danh Mười, ấp Thới Xuyên		1	Chăn nuôi	10	40	1	10	40
3.4	Danh Thị Dậy, ấp Thới Xuyên		1	Chăn nuôi	10	40	1	10	40
3.5	Đào Thị Mệnh, ấp Thới Xuyên		1	Chăn nuôi	10	40	1	10	40
3.6	Thạch Cẩm, ấp Thới Phong		1	Chăn nuôi	10	40	1	10	40
3.7	Thạch Văn Sĩ, ấp Thới Hưng		1	Chăn nuôi	10	40	1	10	40
3.8	Mai Trường Sum, ấp Thới Hưng		1	Chăn nuôi	10	40	1	10	40
3.9	Lý Thị Thum, ấp Thới Hòa		1	Chăn nuôi	10	40	1	10	40

Ghi chú: Hỗ trợ chuyên đổi nghề được gộp từ đối tượng hộ DTTS nghèo không có hoặc thiếu đất sản xuất và đối tượng hộ DTTS chưa được hỗ trợ chuyên đổi nghề. Mỗi hộ thụ hưởng được hỗ trợ 10 triệu đồng từ vốn sự nghiệp và được vay vốn theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ